CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY
73/17 Phan Chu Trinh – Phường 9 – Đà Lạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Đà Lạt, ngày 15 tháng 04 năm 2024*

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
# TRÀ ATISÔ THƯỢNG HẠNG TÚI LỌC

**Số TCB: 20/NGOCDUY/2024**

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY**

Địa chỉ: Số 73/17 Phan Chu Trinh - Phường 9 - Tp. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng – Việt Nam

Điện thoại: 02633 549 284 – 0785 899 091

Fax: 02633 828 421

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

**GIÁM ĐỐC**

S.Đ.K.K.D:5800466303-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY
TP.ĐÀ LẠT - T.LÂM ĐỒNG

**PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY**

Được quét bằng CamScanner

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số TCB: 20/NGOCDUY/2024

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY

Địa chỉ: 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 02633 549 284 – 0785 899 091 Fax: 02633 828 421

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

Mã số doanh nghiệp: 5800466303

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số CBT128/2022/NNPTNT-LĐ, Ngày cấp: 25/10/2022, Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản Lâm Đồng.

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm: TRÀ ATISÔ THƯỢNG HẠNG TÚI LỌC

2. Thành phần: 100% Actisô (60% bông, 20% thân, 20% rễ).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng tính từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên vỏ bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong các túi lọc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Túi lọc được đựng trong túi PE, chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Bên ngoài đóng hộp cát tông/gói PE.

- Khối lượng tịnh của mỗi túi lọc 2 g

- Quy cách đóng gói: 40 g (20 túi x 2 g); 50 g (25 túi x 2 g); 100 g (50 túi x 2 g); 120 g (60 túi x 2 g); 200 g (100 túi x 2 g); 400 g (200 túi x 2 g) và các quy cách đóng gói khác tùy theo nhu cầu của khách hàng.

- Đóng thùng: 48 – 72 – 96 – 200 hộp/gói và các quy cách khác tùy theo yêu cầu của khách hàng.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** ( Đính kèm)

**IV. Yêu cầu an toàn thực phẩm**

CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Được quét bằng CamScanner

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 20:2024/NGOCDUY đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

*Đà Lạt, ngày 15 tháng 04 năm 2024*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY**

Được quét bằng CamScanner

# TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

| CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY | TÊN SẢN PHẨM | Số: 20 : 2024/NGOCDUY |
|---|---|---|
| | TRÀ ATISÔ THƯỢNG HẠNG TÚI LỌC | Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 04 năm 2024 |

## I. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

### 1. Các chỉ tiêu cảm quan:

| STT | Tên chỉ tiêu | Yêu cầu |
|---|---|---|
| 1 | Trạng thái | Bột hạt vừa phải, không lẫn tạp chất và vật lạ |
| 2 | Màu sắc của nước pha | Màu nâu đậm |
| 3 | Mùi | Hương thơm đặc trưng của Actisô |
| 4 | Vị | Ngọt thanh |

### 2. Hàm lượng kim loại nặng:

| STT | Tên kim loại nặng | Đơn vị tính | Mức tối đa | Phương pháp thử |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chì (Pb) | mg/kg | 2,0 | AOAC 999.11 |
| 2 | Thuỷ ngân (Hg) | mg/kg | 0,05 | AOAC 971.21 |
| 3 | Cadimi (Cd) | mg/kg | 1,0 | AOAC 999.11 |
| 4 | Asen (As) | mg/kg | 1,0 | TCVN 7770:2007 |

### 3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa | Phương pháp thử |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Aflatoxin | µg/kg | 15 | HPLC |

### 4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố | Phương pháp thử |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ ẩm, không lớn hơn | % | 10,0 | TCVN 5613:1991 |
| 2 | Tro tổng số, không lớn hơn | % | 8,0 | TCVN 5611:2007 |
| 3 | Tro không tan trong axit, không lớn hơn | % | 1,0 | TCVN 5612:2007 |

### 5. Giới hạn về vi sinh vật:

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa | Phương pháp thử |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | $10^6$ | TCVN 4884-1:2015 |
| 2 | Coliform | CFU/g | $10^3$ | TCVN 6848:2007 |
| 3 | Nấm men | CFU/g | $10^4$ | TCVN 8275-2:2010 |

Được quét bằng CamScanner

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 4 | Nấm mốc | CFU/g | $10^4$ | TCVN 8275-2:2010 |
| 5 | Salmonella | /25g | Không được có | TCVN 4829:2005 |

**6. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:**

| STT | Tên thuốc bảo vệ thực vật | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Clorpynfos – methyl | mg/kg | 0,1 |
| 2 | Cypermethrin | mg/kg | 20 |
| 3 | Fenitrothion | mg/kg | 0,5 |
| 4 | Fluccythrinate | mg/kg | 20 |
| 5 | Methidathion | mg/kg | 0,5 |
| 6 | Permethrin | mg/kg | 20 |
| 7 | Propargite | mg/kg | 5 |

## II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Hướng dẫn sử dụng:

Nhúng túi trà vào tách nước sôi chờ từ 3-5 phút là uống được. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 – 2 túi trà. Có thể cho thêm đường tùy ý.

Cách uống trà Atisô với đá lạnh: Cho 5 túi trà vào 1 lít nước. (Trước hết cho 5 túi trà vào nửa lít nước sôi chờ 5 phút cho ra trà. Lấy túi trà, thêm nửa lít nước lạnh hoặc đá. Để vào tủ lạnh, uống hằng ngày).

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.

## III. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA

Sản xuất và chịu trách nhiệm bởi Công ty TNHH Trà Ngọc Duy 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Đà Lạt, ngày 15 tháng 04 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

S.Đ.K.K.D: 5800466303 - C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY ★ TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG ★

**PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY**

Được quét bằng CamScanner

# NỘI DUNG NHÃN TRÀ ATISÔ THƯỢNG HẠNG TÚI LỌC

1. **Tên sản phẩm: Trà Atisô Thượng Hạng Túi Lọc**

2. **Thành phần cấu tạo:** 100% Actisô (60% bông, 20% thân, 20% rễ).
3. **Hướng dẫn sử dụng:**

Nhúng túi trà vào tách nước sôi chờ từ 3 - 5 phút là uống được. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 – 2 túi trà. Có thể cho thêm đường tùy ý.

Cách uống trà Atisô với đá lạnh: Cho 5 túi trà vào 1 lít nước. Trước hết cho 5 túi trà vào nửa lít nước sôi chờ 5 phút cho ra trà. Lấy túi trà, thêm nửa lít nước lạnh hoặc đá. Để vào tủ lạnh, uống hằng ngày.

4. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
5. **Thông tin cảnh báo an toàn, vệ sinh:** Không sử dụng khi sản phẩm có hiện tượng nấm mốc, có mùi lạ.

6. **Khối lượng tịnh:**

50 g (25 túi x 2g); 100 g (50 túi x 2g); 200 g (100 túi x 2g);…

7. **Hạn sử dụng:** 24 tháng tính từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên vỏ bao bì.
8. **Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm:** Công ty TNHH Trà Ngọc Duy

Địa chỉ: 73/17 Phan Chu Trinh, P9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

ĐT: 02633 549 284 – 0785 899 091

Fax: 02633 828 421

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

**Xuất xứ: Việt Nam**

**ĐKKD: 5800466303**

**ĐK NH ĐỘC QUYỀN HÀNG HOÁ SỐ: 207083**

**BKHCN – CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

**TC ISO 22000: 2018 FSMS 0317 005086**

**Số TCB: 20/NGOCDUY/2024**

**GIÁM ĐỐC**

**PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY**

Được quét bằng CamScanner

VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN
**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH**
Địa chỉ: Số 01 Nguyên Tử Lực, phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0263 3552584 - Fax: 0263 3821107

VILAS 519

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Mã số : 230530/1/0382-03

1 Đơn vị (người) gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY**
2 Địa chỉ : Số 73/17, Phan Chu Trinh, Đà Lạt, Lâm Đồng
3 Tên mẫu/kí hiệu mẫu : **Trà Atisô thượng hạng túi lọc**
4 Khối lượng mẫu : 0,5 kg 5. Số lượng: 01
6 Mô tả mẫu : Dạng khô
7 Ngày nhận mẫu : 30/5/2023 8. Ngày trả kết quả : 06/6/2023
9 Kết quả thử nghiệm : Tính trên trọng lượng thực tế

| Stt | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Hàm lượng | Phương pháp thử |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ ẩm | % | 2,55 | TCVN 5613 : 1991 |
| 2 | Tro không tan trong a xít | % | 0,22 | TCVN 5612 : 2007 |
| 3 | Tro tổng số | % | 4,32 | TCVN 5611 : 2007 |
| 4 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí* | CFU/g | $2,4 \times 10^2$ | TCVN 4884-1:2015 |
| 5 | Coliform* | CFU/g | KPH (LOQ=10) | TCVN 6848:2007 |
| 6 | Salmonella | /25g | Âm tính | TCVN 4829 : 2005 |
| 7 | TS nấm men | CFU/g | KPH (LOQ=10) | TCVN 8275 : 2:2010 |
| 8 | TS nấm mốc | CFU/g | KPH (LOQ=10) | TCVN 8275-2 : 2010 |
| 9 | Asen (As)* | mg/kg | 0,08 | TCVN 7770:2007 |
| 10 | Cadimi (Cd)* | mg/kg | KPH (LOQ=0,02) | AOAC 999.11 |
| 11 | Chì (Pb)* | mg/kg | 0,11 | AOAC 999.11 |
| 12 | Thủy ngân (Hg)* | mg/kg | KPH (LOQ=0,02) | AOAC 971.21 |
| 13 | Aflatoxin tổng | µg/kg | KPH (LOQ=0,1) | HPLC |
| 14 | Dư lượng thuốc BVTV | | | |
| | Chlorpyrifos-methyl* | mg/kg | 0,01 | QTTTPT-13 (2020) Ref. EURL– FV (2010 –M4) |
| | Cypermethrin* | mg/kg | KPH (LOQ=0,01) | |
| | Fenitrothion | mg/kg | KPH (LOQ=0,01) | |
| | Flucythrinate | mg/kg | KPH (LOQ=0,01) | |
| | Methidathion | mg/kg | KPH (LOQ=0,01) | |
| | Permethrin* | mg/kg | 0,09 | |
| | Propargite | mg/kg | KPH (LOQ=0,01) | |

**Giám đốc**
**Trung tâm Phân tích**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05023 quyển số 04.SCT/BS
Ngày 17-04-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Giằng

S.Đ.K.H.Đ: 08 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
LÔ THỊ HẰNG

**P. Viện trưởng**
**Viện Nghiên cứu hạt nhân**

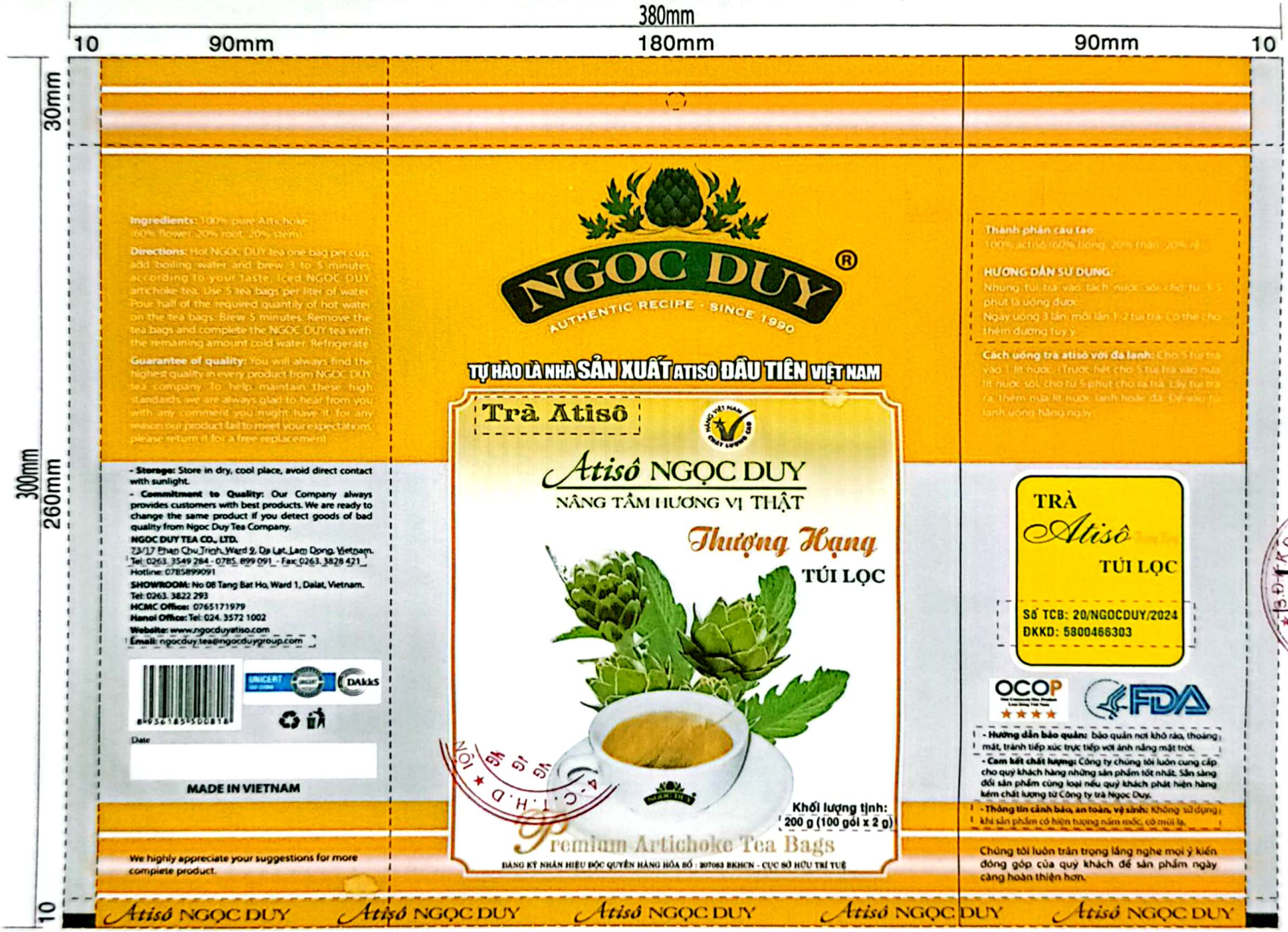
VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN

Nguyễn Xuân Hải

*Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.*
*KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017*
*EM 7.8.01- phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1*

Lo Thị Hằng

Được quét bằng CamScanner




Được quét bằng CamScanner